

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo Kiểm toán	5
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	.
Bảng cân đối kế toán riêng	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước – Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011, hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam).
Tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đ.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2012 là 179.038.035.228 đồng (Lợi nhuận sau thuế giai đoạn từ 1/12/2010 đến ngày 31/12/2011 là 162.547.758.383 đồng).

Lợi nhuận lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 179.785.793.611 đồng. (Lợi nhuận lũy kế đến thời điểm 31/12/2011 là 162.547.758.383 đồng).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Hà Nội

cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013



Nguyễn Trọng Tiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Số 03/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán ASC đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của **Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam** gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam** tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC



Nguyễn Chi Thành
Chứng chỉ KTV số: 0647/KTV

Kiểm toán viên



Trần Thị Hạnh
Chứng chỉ KTV số: 0726/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.206.560.033.686	965.393.510.845
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	361.672.624.621	322.474.500.200
1. Tiền	111		51.672.624.621	19.974.500.200
2. Các khoản tương đương tiền	112		310.000.000.000	302.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	463.537.632.300	146.947.750.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		478.588.306.200	146.947.750.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(15.050.673.900)	
III. Các khoản phải thu	130		308.770.375.394	403.419.216.923
1. Phải thu của khách hàng	131		212.069.049.673	319.164.987.959
2. Trả trước cho người bán	132		40.329.120.128	34.901.673.043
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	61.536.799.058	63.549.439.692
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5.164.593.465)	(14.196.883.771)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	65.930.074.111	87.641.876.960
1. Hàng tồn kho	141		65.930.074.111	87.641.876.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.649.327.260	4.910.166.762
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		391.869.832	89.539.438
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.510.540.922	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		599.159.852	403.843.097
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	2.147.756.654	4.416.784.227
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		904.032.010.982	883.305.181.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		220.808.127.425	175.299.366.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	164.229.815.180	158.769.273.024
- Nguyên giá	222		311.533.266.041	279.960.421.917
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(147.303.450.861)	(121.191.148.893)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	53.333.332	8.376.885.564
- Nguyên giá	228		60.000.000	9.846.941.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(6.666.668)	(1.470.055.436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	56.524.978.913	8.153.207.910
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	655.975.947.655	666.829.258.555
1. Đầu tư vào công ty con	251		564.679.804.695	559.078.251.095
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		91.296.142.960	115.526.899.160
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			(7.775.891.700)
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.247.935.902	41.176.556.415
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	27.181.887.902	41.110.508.415
3. Tài sản dài hạn khác	268		66.048.000	66.048.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.110.592.044.668	1.848.698.692.313

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		522.856.251.057	286.198.261.374
I. Nợ ngắn hạn	310		485.422.377.776	231.606.158.724
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		77.263.021.367	58.076.904.447
3. Người mua trả tiền trước	313		7.700.818.642	2.972.163.764
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	12.621.735.897	13.974.842.659
5. Phải trả công nhân viên	315		22.032.601.593	2.700.755.200
6. Chi phí phải trả	316	V.17	70.076.222.317	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	282.815.632.813	136.148.097.318
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		12.912.345.147	17.733.395.336
II. Nợ dài hạn	330		37.433.873.281	54.592.102.650
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.335.633.992	1.335.633.992
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			639.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		30.098.239.289	35.036.336.738
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			17.581.131.920
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6.000.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.587.735.793.611	1.562.500.430.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.581.785.793.611	1.562.500.430.939
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Ngân sách	411A		1.220.448.000.000	1.220.448.000.000
- Tự bổ sung	411B		179.552.000.000	179.552.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(47.327.444)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.000.000.000	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		179.785.793.611	162.547.758.383
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		5.950.000.000	
1. Nguồn kinh phí	432		5.950.000.000	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.110.592.044.668	1.848.698.692.313

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	1.231.506.876.123	1.125.504.725.904
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	751.543.882	6.807.701.480
- Chiết khấu bán hàng		02a		
- Giảm giá hàng bán		02b		
- Hàng bán bị trả lại		02c	751.543.882	6.807.701.480
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực		02d		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	1.230.755.332.241	1.118.697.024.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.041.141.412.313	959.264.120.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		189.613.919.928	159.432.903.743
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	133.590.966.311	160.630.789.980
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	7.860.920.506	15.707.327.649
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.394.054	2.138.874.907
8. Chi phí bán hàng	24	VI.32a	19.631.575.936	56.700.714.341
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.32b	79.863.357.991	58.325.144.530
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215.849.031.806	189.330.507.203
11. Thu nhập khác	31		368.440.057	51.914.847
12. Chi phí khác	32		10.608	8.881.550
13. Lợi nhuận khác	40		368.429.449	43.033.297
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		216.217.461.255	189.373.540.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	37.179.426.027	26.825.782.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		179.038.035.228	162.547.758.383
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1.279	1.161

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiều

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.370.843.280.338	994.643.086.980
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(896.286.199.275)	(851.891.111.802)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(52.509.176.924)	(76.800.549.965)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(39.394.054)	(2.138.874.907)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(36.201.100.316)	(22.623.171.765)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	245.789.305.500	390.668.600.154
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(324.389.988.020)	(182.107.749.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	307.206.727.249	249.750.229.340
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(72.522.948.410)	(20.259.821.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(298.500.000.000)	(47.212.866.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.450.200.000	60.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.101.553.600)	(12.858.433.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	13.926.632.950
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.104.741.288	78.898.640.821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(232.069.560.722)	72.494.151.898
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.697.026.875	53.094.029.962
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.697.026.875)	(52.868.752.891)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.939.740.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.939.740.000)	225.277.071
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	39.197.426.527	322.469.658.309
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	322.474.500.200	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	697.894	4.841.891
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	361.672.624.621	322.474.500.200

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Đoàn Thị Lan Phương

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước – Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đ.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
<i>Đơn vị trực thuộc</i>	
- Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Số 27, Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
<i>Các công ty con sở hữu trực tiếp</i>	
- Công ty CP Thiết bị điện	Đường 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai
- Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	KM12, QL32, Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
- Công ty CP khí cụ điện I	Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Số 70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP SX và TMEmic	Số 91, Hoa Lâm, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Công ty CP TBD Việt Nam (Cambodia)	Số 49, đường QL 4, Phường P ơ Long Chê Rơ Tê, Quận Đông Kôu, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
<i>Các Công ty liên kết</i>	
- Công ty CP chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Số 53, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội
- Công ty CP vật tư và xây dựng Hà Nội	Số 39C, Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
<i>Các Công ty liên doanh</i>	
- Công ty Dây đồng Việt Nam	Đường 9, KCN Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, Đồng Nai